TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN THÀNH** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:01/2022/ KDTM-ST
Ngày 25 tháng 01 năm 2022
(V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng)

NHÂN DANH
N- ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH - TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Anh Ngọc

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bá Tấn – Bà Chu Thị Xuyến

Th ký ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Công Hưng - Thư ký Toà án Nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

Đại diện VKSND huyện Yên Thành tham gia phiên toà: Bà Dương Thị Kim Tình - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25/01/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 07/2021/TLST-KDTM ngày 06/10/2021 về việc " Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số:171/2021/ ĐXX - ST ngày 22/11/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2021/QĐ-HPT ngày 20/12/2021

Giữa:

*** Nguyên đơn:** Ngân hàng NN&PTNTVN(Agribank).

Địa chỉ: Số 2 LH, quận B, thành phố Hà Nội.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T, Chức vụ: Tổng giám đốc.

- Người đại diện theo ủy quyền của NN&PTNTVN(Agribank): Ông Nguyễn Văn Đ - Giám đốc Ngân hàng NN&PTNTVN– chi nhánh huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

Ủy quyền lại cho: Ông Đặng Đình N - Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp phát triển Nông Thôn huyện Y, tỉnh Nghệ An. (Có mặt)

*** Bị đơn:** - Bà Trương Thị N- sinh năm 1972.

- Ông Trần Danh L, sinh năm 1973.

Đều trú tại: xóm Đ, xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An (Vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa không có lý do).

***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan**:

Chị Trần Thị N, sinh năm 1994 (Đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: xóm T, xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu được nguyên đơn giao nộp có trong hồ sơ vụ án và trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thì nội dung vụ án thể hiện nội dung:

Sau khi có Giấy đề nghị kiêm phương án vay của bà Trương Thị N, ông Trần Danh L thì ngày 07/10/2019 vợ chồng bà N, ông L trú tại xóm Đ, xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An đã ký hợp đồng tín dụng vay của Ngân hàng (Agribank) tại NN&PTNTVN huyện Y, tỉnh Nghệ An với mục đích vay là để bổ sung vốn kinh doanh với số tiền 400.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm triệu đồng chẵn). Theo hợp đồng tín dụng số: LAV2019 11722 ngày 07/10/2019, thời hạn vay của khoản tiền trên là 12 tháng, với lãi suất trong hạn là 10.3% năm, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn. Cùng thời điểm hai bên còn ký kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số: 3606 LCP 2019 01316/HĐTC ngày 07/10/2019 được đăng ký thế chấp tại văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Y, tỉnh Nghệ An. Tài sản bảo đảm cho khoản vay là 02 quyền sử dụng đất, theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số: CS632127 do UBND huyện Y cấp ngày 25/9/2019 mang tên bà Trương Thị N và ông Trần Danh L, Địa chỉ thửa đất: xóm Đ, xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An và Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số: CS632128 do UBND huyện Y cấp ngày 25/9/2019 mang tên bà Trương Thị N và ông Trần Danh L, Địa chỉ thửa đất: xóm Đ, xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An. Thời hạn trả nợ cuối cùng là vào ngày 07/10/2020. Trong quá trình thực hiện vay thì bà N, ông L đã vi phạm hợp đồng tín dụng không thanh toán số tiền gốc và lãi phát sinh theo qui định của hợp đồng tón dụng. Đại diện Ngân hàng đã đến tận nhà nhắc nhở và thông báo việc trả nợ nhiều lần nhưng bà Ngại, ông L vẫn không chịu thanh toán. Do bà N, ông L vi phạm nghĩa vụ thanh toán, không chịu thanh toán nợ nên ngân hàng (Agribank) khởi kiện bà N, ông L để thu hồi nợ, đồng thời để nghị tòa án xử lý tài sản thế chấp cho khoản vay. Ngân hàng (Agribank) đề nghị tòa án buộc vợ chồng ông L, bà N phải thanh toán cho ngân hàng số tiền tổng số tiền 518,633,425 đồng., trong đó tiền gốc là 400.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 92,784,658 đồng (trong đó lãi từ ngày 09/10/2019 đến ngày 14/7/2021 là 400 triệu x 10.3% x 645/365 = 72,805,479 đồng; từ ngày 15/7/2021 đến ngày 31/12/2021 được giảm 10% lãi suất do ảnh hưởng covid số lãi = 400 triệu x 9.27% x 170/365 = 17,270,137 đồng; từ ngày 01/1/2022 đến ngày 25/1/2022 lãi = 400 triệu x 10.3% x 24/365=2,709,041 đồng); lãi suất quá hạn bắt đầu từ ngày 08/10/2020 và tính đến ngày 25/01/2022(đến ngày xét xử ngày 25/01/2022) tổng là 25,848,767 đồng (trong đó lãi từ ngày 08/10/2020 đến ngày 14/7/2021 là 400 triệu x 5.15% x 280/365 = 15,802,740 đồng; từ ngày 15/7/2021 đến ngày 31/12/2021 được giảm 10% lãi suất do ảnh hưởng covid số lãi = 400 triệu x 4,64% x 170/365= 8,635,068 đồng; từ ngày 01/1/2022 đến ngày 25/1/2022 lãi = 400 triệu x 5.15% x 24/365=1,410,959 đồng).

Trong trường hợp bà Trương Thị N, ông Trần Danh L không trả được nợ hoặc không trả đủ nợ thì Ngân hàng (Agribank) yêu cầu Tòa án tuyên bố Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan chức năng phát mại những tài sản do bà N, ông L đã thế chấp để thu hồi

nợ. Sau khi phát mại những tài sản đảm bảo mà không đủ trả nợ, thì đề nghị Tòa án buộc bà Trương Thị N, ông Trần Danh L tiếp tục có trách nhiệm nghĩa vụ thanh toán số tiền còn lại.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án bà Trương Thị N, ông Trần Danh L không hợp tác, cố tình vắng mặt, Tòa án không thu thập lời khai, ý kiến của bà N, ông L để lưu tại hồ sơ vụ án. Nhưng căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, trình bày của nguyên đơn tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trình bày tại phiên tòa thì việc Ngân hàng cho bà N, ông L vay tiền cơ bản đúng như nguyên đơn trình đã trình bày.

Tại phiên tòa, Đại diện viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của thẩm phán, hội đồng xét xử, thư ký, các đương sự và đề nghị giải quyết vụ án như sau**:**

Thẩm phán tiến hành thụ lý vụ án đúng qui định tại khoản 3 điều 26; điểm b khoản 1 điều 35, khoản 1 điều 39 của BLTTDS. Thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của thẩm phán qui định tại 48, điều 203 của BLTTDS, xác định tư cách tham gia tố tụng theo qui định tại điều 68 của BLTTDS. Tiến hành thu thập xác minh chứng cứ theo qui định tại chương VII của BLTTDS, làm rõ tình tiết khách quan của vụ án, yêu cầu đương sự cung cấp chứng cứ theo qui định điều 95; điều 98 của BLTTDS. Hòa giải theo qui định tại điều 205 của BLTTDS. Đã chuyển hồ sơ cho viện kiểm sát nghiên cứu theo qui định tại điều 196 và điều 220 của BLTTDS. Thư ký đã thực hiện đúng qui định tại điều 51 của BLTTDS. Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự phiên tòa sơ thẩm qui định tại điều 243; 250; 251; 258; 260 và 262 của BLTTDS.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chấp hành theo đúng qui định tại điều 70;72; 73, 85; 86 và điều 234 của BLTTDS. Bị đơn không chấp hành quyền và nghĩa vụ của mình theo qui định tại điều 71 của BLTTDS.

Đại diện VKS đề nghị Tòa án tạm ngừng phiên tòa để thu thập chứng cứ trước lúc tuyên án như xác minh việc sử dụng vốn vay của bà Ngại, ông Lợi có đúng mục đích vay theo hợp đồng tín dụng hai bên đã ký kết hay không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện, được qui định tại khoản 3 Điều 26 và khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án tòa án đã tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng yêu cầu người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bà Trương Thị N, ông Trần Danh L bị đơn trong vụ án có mặt tại Tòa án để giải quyết tranh chấp, nhưng bà N, ông L không chấp hành, không hợp tác, cố tình vắng mặt.Vì vậy, Tòa án đã lập biên bản theo qui định của pháp luật tố tụng dân sự làm cơ sở để giải quyết vụ án.

Tòa án đã tống đạt, niêm yết hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử lần thứ nhất, Giấy báo phiên tòa lần thứ nhất đối với các đương sự. Tại phiên tòa lần thứ nhất đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt, bị đơn bà Trương Thị N, ông Trần Danh L vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa, ấn định thời gian tiếp tục xét xử vụ án. Để tiếp tục giải quyết vụ án, Tòa án tiếp tục tống đạt, niêm yết hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy báo phiên tòa lần thứ hai đối với các đương sự. Tại phiên tòa lần thứ hai người đại diện của nguyên đơn có mặt, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có lý do, bị đơn tiếp tục vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b, khoản 2 điều 227, khoản 1 và khoản 3 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung : Quá trình nghiên cứu các tài liệu chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa thấy rằng khởi kiện tranh chấp Hợp đồng tín dụng của Ngân hàng NN&PTNTVN(Agribank) và đề nghị xử lý tài sản thế chấp đảm bảo cho khoản vay đối với bà Trương Thị N, ông Trần Danh L là có căn cứ. Việc vay nợ của bà N, ông L đối với Ngân hang (Agribank) được chứng minh tại Hợp đồng tín dụng số: 3606 LAVLD 201911722 được ký kết ngày 07/10/2019, với số tiền vay gốc là 400.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi trong hạn 10,3 %/ năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số: 3606 LCP 2019 01316/HĐTC ngày 07/10/2019 được đăng ký thế chấp tại văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Y, tỉnh Nghệ An. Số tiền bà N, ông L vay tại ngân hàng NN&PTNTVN còn được chứng minh là bà N, ông L làm thủ tục pháp lý chuyển vào tài khoản 3605.205.349.026 của con gái là chị Trần Thị N, sinh năm 1994 trú tại xóm T, xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An mở tại ngân hàng nông nghiệp huyện Y số tiền 400.000.000 đồng.

Căn cứ vào hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng (Agribank) và bà Bà N, ông L thì thời hạn trả nợ cuối cùng của khoản vay là vào ngày 07/10/2020. Theo qui định tại hợp đồng tín dụng thì bà N, ông L phải trả lãi 3 tháng một lần. Nhưng kể ngày 07/10/2019 đến nay thì bà N, ông L không thanh toán số tiền gốc và lãi suất cho Ngân hàng theo qui định của hợp đồng, cố tình dây dưa việc trả nợ. Việc cố tình dây dưa việc thanh toán khoản tiền vay là sự nhắc nhở của cán bộ tín dụng ngân hàng và thông báo về việc thu hồi nợ được phía ngân hàng cung cấp đã giao nộp có tại hồ sơ. Nay ngân hàng khởi kiện yêu cầu buộc bà N, ông L phải có nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi suất trong hạn và quá hạn theo hợp đồng tín dụng là có căn cứ, đúng pháp luật, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[3] Xử lý tài sản bảo đảm cho khoản vay: Ngoài việc ký kết hợp đồng tín dụng thì giữa Ngân hàng (Agribank) và vợ chồng bà N, ông L còn ký kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: LD1634900122/HĐTC ngày 07/10/2019 để vay tiền. Cụ thể bà N, ông L đã thế chấp (02 thửa đất), thửa đất số 98, tờ bản đồ số 52, xã Đ, huyện Y; Địa chỉ thửa đất: xóm Đ, xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An, diện tích 1170.9m^2 đã được UBND huyện Y cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CS 632127 ngày 25/9/2019 mang tên ông Trần Danh L và bà Trương

Thị N và thửa đất số: 99, tờ bản đồ số 52, xã Đ, huyện Y; Địa chỉ thửa đất: xóm Đ, xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An, diện tích 998.6m^2 đã được UBND huyện Y cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CS 632128 ngày 25/9/2019 mang tên ông Trần Danh L để vay tiền. Xét hai thửa đất thế chấp này là tài sản hợp pháp của bà Trương Thị N, ông Trần Danh L được dùng để bảo đảm cho khoản vay, nên cần tiếp tục bảo thủ để đảm bảo cho việc thi hành án khi bà Trương Thị N, ông Trần Danh L không trả được nợ cho Ngân hàng (Agribank).

[4]Tại phiên tòa đại diện viện kiểm sát đề nghị tạm ngừng phiên tòa để thu thập thêm chứng cứ trước lúc tuyên án như xác minh việc sử dụng vốn vay của bà N, ông L có đúng như hợp đồng tín dụng hay không. Xét thấy việc kiểm tra vốn vay tại ông L, bà N có đúng mục đích hay không, không thuộc nghĩa vụ của Tòa án nên Hội đồng xét xử thấy rằng không cần thiết phải tạm ngừng phiên tòa để thu thập chứng cứ theo đề nghị của đại diện viện kiểm sát.

[5]Xử lý tiền chi phí xem xét thẩm định tại chổ: Quá trình xem xét thẩm định tại chổ nguyên đơn (Agribank) nộp 3.000.000 đồng tiền tạm ứng chi phí thẩm định tại chổ. Quá trình xem xét thẩm định đã chi phí cho việc thẩm định hết số tiền này nộp thể hiện tại Danh sách chi nhận tiền xem xét thẩm định tại chổ ngày 17/11/2021 có xác nhận của UBND xã Đ, huyện Y. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên không phải chịu chi phí xem xem xét thẩm định tại chổ, bị đơn bà Trương Thị N, ông Trần Danh L phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chổ. Buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định 3.000.000 đồng.

[6] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được tòa án chấp nhận, nên không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn (Agribank).

Buộc bị đơn bà Trương Thị N, ông Trần Danh L phải nộp án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Điều 4, Điều 306 của Luật thương mại; Điều 91; Điều 95 Luật tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 317; 463, 466, 468 BLDS 2015. Khoản 2 điều 91, 95 Luật ngân hàng và các tổ chức tín dụng; khoản 1 Điều 1 Thông tư số: 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng nhà nước; khoản 2 điều 11 Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng theo QĐ số: 1627/2001/TT-NHNN ngày 31/12/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

Xử: Buộc vợ chồng bà Trương Thị N, ông Trần Danh L phải có nghĩa vụ thanh toán cho NN&PTNTVN tổng số tiền 518,633,425 đồng (Bằng chữ: *Năm trăm mười tám triệu, sáu trăm ba mươi ba nghìn, bốn trăm hai mươi lăm đồng*), trong đó tiền gốc là 400.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 92,784,658 đồng (trong đó lãi từ ngày 09/10/2019 đến ngày 14/7/2021 là 400 triệu x 10.3% x 645/365 = 72,805,479 đồng; từ

ngày 15/7/2021 đến ngày 31/12/2021 được giảm 10% lãi suất do ảnh hưởng covid số lãi = 400 triệu x 9.27% x 170/365 = 17,270,137 đồng; từ ngày 01/1/2022 đến ngày 25/1/2022 lãi = 400 triệu x 10.3% x 24/365=2,709,041 đồng); lãi suất quá hạn bắt đầu từ ngày 08/10/2020 và tính đến ngày 25/01/2022 (đến ngày xét xử ngày 25/01/2022) tổng là 25,848,767 đồng (trong đó lãi từ ngày 08/10/2020 đến ngày 14/7/2021 là 400 triệu x 5.15% x 280/365 = 15,802,740 đồng; từ ngày 15/7/2021 đến ngày 31/12/2021 được giảm 10% lãi suất do ảnh hưởng covid số lãi = 400 triệu x 4,64% x 170/365= 8,635,068 đồng; từ ngày 01/01/2022 đến ngày 25/01/2022 lãi = 400 triệu x 5.15% x 24/365=1,410,959 đồng.

Kể từ ngày 26/01/2022 bà Trương Thị N, ông Trần Danh L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số: LAV2019 11722 ngày 07/10/2019 của Ngân hàng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc nói trên. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bà N, ông L vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng NN&PTNTVN(Agribank) có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Trương Thị N, ông Trần Danh L không trả hết số tiền nợ nêu trên thì Ngân hàng (Agribank) có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An phát mại tài sản là (02 thửa đất) thửa đất số: 98, tờ bản đồ số 52, xã Đ, huyện Y; Địa chỉ thửa đất: xóm Đ, xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An, diện tích 1170.9m^2 đã được UBND huyện Y cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CS 632127 ngày 25/9/2019 mang tên ông Trần Danh L và bà Trương Thị N và thửa đất số: 99, tờ bản đồ số 52, xã Đ, huyện Y; Địa chỉ thửa đất: xóm Đ, xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An, diện tích 998.6m^2 đã được UBND huyện Y cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CS 632128 ngày 25/9/2019 mang tên ông Trần Danh L để thu hồi nợ. Sau khi phát mại tài sản thế chấp, nếu tài sản thế chấp vẫn không đủ để trả nợ thì bà Trương Thị N, ông Trần Danh L phải tiếp tục trả nợ cho đến khi thanh toán hết nợ.

2. Nghĩa vụ chịu chi phí xem xét thẩm định tại chổ: Áp dụng điều 156, Điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Buộc: Bà Trương Thị N, ông Trần Danh L phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng NN&PTNTVN(Agribank) số tiền chi phí xem xét thẩm định là 3.000.000 đ (Bằng chữ: *Ba triệu đồng*)

- Về án phí: Căn cứ Điều 147 của BLTTDS; Điều 26 của nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bà Trương Thị N, ông Trần Danh L phải nộp 24.745.000đ (*Bằng chữ: Hai mươi tư triệu, bảy trăm bốn mươi nghìn đồng*) án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Trả lại tiền tạm ứng án phí số tiền 12.178.520đ (Bằng chữ: *Mười hai triệu,một trăm bảy mươi tám nghìn, năm trăm hai đồng*) cho Ngân hàng NN&PTNTVN(Agribank) theo biên lai nộp tiền số: 0010861 ngày 06/10/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án lên tòa án cấp phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án lên tòa án cấp phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án do tòa án tống đạt hoặc niêm yết bản án tại trụ sở UBND xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An và nơi cư trú của bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

TM:HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- VKS NDYT
- VKSND tỉnh Nghệ An
- Chi cục THADS
- Lưu hồ sơ vụ ỏn
- Lưu VP+K/quả
- Các đương sự
- TAND tỉnh Nghệ An

(Đã ký)

Vũ Anh Ngọc